

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2024/DS-ST

Ngày 01/7/2024

V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Hoàng Văn Tiến.

**Các hội thẩm nhân dân:**

-Bà Nguyễn Thị Bích Vân

-Ông Nguyễn Thanh Bình

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Ông Phạm Quang Hoàn – Cán bộ  
Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc *Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-DS, ngày 31/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐST-DS, ngày 14/6/2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Đặng Trần C, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình N, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Tôn Thất T, phường Thống N, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2024)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986

Địa chỉ: Văn C, thôn x, xã Trà Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Ngô Đức N1, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Lý Thái T, phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2024)

**NHÂN THẤY:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Đình N trình bày:***

Do có quen biết với nhau trước đó nên vào ngày 26/4/2019, ông Nguyễn Văn T1 có đến nhà ông Nguyễn Trọng T và đề nghị vay số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) để làm ăn. Vì bản thân ông T không có tiền nên ông T nói với mẹ ông T là bà Nguyễn Thị Tuyết N2 đem thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn nhà tại Đặng Trần C, phường Trà B, cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch Trà B vay số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng) cho ông T1 vay số tiền này.

Khi vay tiền, ông T1 cam kết đến ngày 26/6/2019 sẽ trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh trong khoảng thời gian vay, với mức lãi suất do hai bên tự thỏa thuận là 1,5%/tháng. Đồng thời, ông T1 có viết 01 "Giấy mượn tiền" và giao cho ông T giữ.

Đến thời hạn như đã cam kết, ông T1 nói hiện ông đang gặp khó khăn nên không có tiền trả cho ông T, do đó ông T1 hứa sẽ trả số tiền gốc và tiền lãi cho ông T trong thời gian sớm nhất.

Khoảng cuối tháng 7/2019, cha mẹ của ông T1 đã trả thay cho ông T1 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Đối với số tiền gốc còn lại là 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) thì ông T1 tiếp tục hứa sẽ trả cho ông T trong thời hạn sớm nhất. Sau đó, ông T1 chỉ trả khoản tiền lãi cho ông T đến hết tháng 4/2020.

Đến nay đã quá thời hạn như đã cam kết nhưng ông T1 vẫn không chịu hoàn trả khoản tiền gốc còn lại là 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh cho ông T theo quy định của pháp luật. Mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu ông T1 phải trả số tiền trên nhưng ông T1 chỉ hứa hẹn mà không trả.

Vì vậy, nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng T tổng số tiền **1.350.000.000đ** (Trong đó tiền gốc là 750.000.000đ và tiền lãi là 600.000.000đ) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong khoản nợ trên.

Ngoài ra ông T không có yêu cầu gì khác.

***Lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Đức N1 trình bày:***

Theo ông Nguyễn Văn T1 thì trước đây ông Nguyễn Văn T1 là bạn bè của ông Nguyễn Trọng T. Sau đó hai bên góp vốn làm chung nhưng thất bại. Ông Nguyễn Trọng T yêu cầu trả lại vốn đã góp nhưng ông Nguyễn Văn T1 không có tiền nên đã

viết giấy vay tiền ngày 26/4/2019 có nội dung: Ông T1 vay của ông T số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Sau đó, hàng tháng ông T đều trả lãi ngân hàng và đã trả được 50.000.000đ tiền gốc. Hiện nay ông T1 công nhận còn nợ ông T số nợ gốc là 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Về yêu cầu của ông T trả tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng, ông T1 không đồng ý vì ông T1 không có thỏa thuận mức lãi này.

Về tiền lãi hai bên không cung cấp được chứng cứ gì về thỏa thuận mức lãi nên có tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

### **XÉT THẤY:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Giữa các bên đương sự tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn cư trú tại địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên tự thương lượng và hòa giải với nhau, nhưng các đương sự không thống nhất thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy HĐXX tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc: Anh Nguyễn Trọng T yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 trả số tiền vay 750.000.000đ nợ gốc. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 750.000.000đ. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 750.000.000đ.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn cho rằng việc cho vay tính lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, nhưng phía bị đơn thừa nhận có trả lãi ngân hàng cho nguyên đơn, nhưng không phải là mức lãi suất 1,5%. Trong giấy mượn tiền ngày 26/4/2019 các bên thỏa thuận về lãi như sau “*tính theo lãi suất hai bên tự thỏa thuận và thống nhất với nhau*”. Đến tại phiên tòa hôm nay các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về việc thỏa thuận mức lãi suất. Như vậy đây là được xác định là trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên tiền lãi sẽ được xác định bằng 50% mức lãi suất

giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự bằng 0,83%/tháng. Thời điểm tính lãi được xác định từ ngày 01/5/2020 cho đến nay (01/7/2024) là 50 tháng. Vì vậy tiền lãi được tính là  $750.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 50 tháng = 311.250.000đ$ .

Từ nhận định [3.1] và [3.2] có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi là 1.061.250.000đ; trong đó tiền gốc là 750.000.000đ, tiền lãi là 311.250.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương đương với nghĩa vụ phải thanh toán.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 91, 92, 228, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;*

*- Áp dụng các Điều 275, 280, 351, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;*

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng T

Buộc anh Nguyễn Văn T1 phải trả cho anh Nguyễn Trọng T tổng số tiền 1.061.250.000đ (Một tỷ không trăm sáu một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó tiền gốc là 750.000.000đ, tiền lãi là 311.250.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*- Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

1. Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 43.837.500đ (Bốn ba triệu tám trăm ba bảy nghìn năm trăm đồng) (36.000.000đ + 261.250.000đ x 3%) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

2. Ông Nguyễn Trọng T không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.337.500đ (Hai bốn triệu ba trăm ba bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0001192 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (01/7/2024), các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP P;
- THA DS TP P;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**Hoàng Văn Tiến**